

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT



TIÊU CHUẨN 2

TIÊU CHÍ 2.2

Minh chứng: H2.02.02.01

Tên minh chứng: Quy định xây dựng chương trình đào tạo

CÁC TÀI LIỆU TRONG MINH CHỨNG

TT	Tên tài liệu (tên văn bản/báo cáo/bảng biểu...)	Trang
1.	Thông tư quy định xây dựng chương trình đào tạo	1
2.	QĐ về việc biên soạn , điều chỉnh đề cương chi tiết học phần	25
3.	Hướng dẫn biên soạn , điều chỉnh đề cương chi tiết học phần	26
4.	QĐ về việc rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo	33
5.	QĐ ban hành quy định xây dựng, điều chỉnh CDR và CTĐT	36
6.	Hướng dẫn xây dựng CTĐT theo Quy định của BGD	41
7.	Rà soát CTĐT theo định hướng CDIO	44

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2017/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2017

THÔNG TƯ**Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo
và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học***Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục đại học;**Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;**Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;**Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và cơ sở giáo dục đại học thành viên;**Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học,**Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học:***Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học.

2. Thông tư này áp dụng đối với các đại học quốc gia, đại học vùng, học viện, trường đại học (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo), các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Điều kiện mở ngành đào tạo

Các cơ sở đào tạo được mở ngành đào tạo trình độ đại học khi bảo đảm các điều kiện sau đây:

1. Ngành đào tạo:

a) Ngành đăng ký đào tạo phải phù hợp với nhu cầu của xã hội và người học; phù hợp với yêu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, miền và cả nước; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ sở đào tạo. Việc mở ngành đào tạo đã được xác định trong phương hướng, kế hoạch phát triển của cơ sở đào tạo;

b) Tên ngành đăng ký đào tạo có trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV theo quy định (gọi là Danh mục đào tạo).

Trường hợp ngành đăng ký đào tạo chưa có trong Danh mục đào tạo (gọi là ngành mới), cơ sở đào tạo phải làm rõ:

- Luận cứ khoa học, nhu cầu của xã hội về ngành mới này (trong đó có ít nhất 02 (hai) ý kiến về sự cần thiết đào tạo của 02 (hai) cơ quan, tổ chức có nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực sau đào tạo);

- Thực tiễn và kinh nghiệm đào tạo của một số nước trên thế giới kèm theo ít nhất 02 (hai) chương trình đào tạo tham khảo của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận về chất lượng hoặc cho phép thực hiện và cấp văn bằng (trừ các ngành chỉ có đào tạo ở Việt Nam hoặc các ngành liên quan đến an ninh, quốc phòng).

2. Đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu cơ hữu (gọi là giảng viên cơ hữu) bảo đảm về số lượng, chất lượng, trình độ và cơ cấu để tổ chức đào tạo trình độ đại học ngành đăng ký đào tạo, không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện đào tạo trình độ đại học của các ngành khác đang đào tạo, trong đó có ít nhất 01 (một) tiến sĩ cùng ngành chịu trách nhiệm chủ trì, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo và cam kết đảm bảo chất lượng đào tạo trước cơ sở đào tạo và xã hội; cụ thể:

a) Có ít nhất 10 (mười) giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trở lên cùng ngành hoặc ngành gần với ngành đăng ký đào tạo, trong đó có ít nhất 01 (một) tiến sĩ và 04 (bốn) thạc sĩ, hoặc 02 (hai) tiến sĩ và 02 (hai) thạc sĩ cùng ngành đăng ký đào tạo; trừ các ngành thuộc quy định tại các điểm b, điểm c, điểm d Khoản này;

b) Đối với những ngành thuộc nhóm ngành ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài (trừ các ngôn ngữ Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc) phải có ít nhất 06 (sáu) giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trở lên cùng ngành hoặc ngành gần với ngành đăng ký đào tạo, trong đó có 01 (một) tiến sĩ và 03 (ba) thạc sĩ, hoặc 02 (hai) tiến sĩ và 01 (một) thạc sĩ cùng ngành đăng ký đào tạo;

c) Đối với một số ngành thuộc nhóm ngành sức khỏe:

- Giảng viên và người hướng dẫn thực hành các môn học, học phần liên quan đến khám, chữa bệnh phải có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, đã hoặc đang làm việc trực tiếp tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện là cơ sở thực hành trong đào tạo nhóm ngành sức khỏe theo quy định.

- Mỗi môn học thuộc kiến thức cơ sở ngành hoặc chuyên ngành của chương trình đào tạo phải có ít nhất 01 (một) giảng viên cơ hữu có văn bằng, luận văn, luận án tốt nghiệp phù hợp với môn học chịu trách nhiệm giảng dạy; trong đó, số tiến sĩ tối thiểu phải có như sau:

Ngành Y đa khoa: có tối thiểu 02 (hai) tiến sĩ thuộc lĩnh vực khoa học y sinh, 06 (sáu) tiến sĩ thuộc lĩnh vực y học lâm sàng và 01 (một) tiến sĩ thuộc lĩnh vực y học dự phòng (hoặc y tế công cộng).

Ngành Y học cổ truyền: có tối thiểu 02 (hai) tiến sĩ thuộc lĩnh vực khoa học y sinh, 03 (ba) tiến sĩ thuộc lĩnh vực y học cổ truyền và 01 (một) tiến sĩ thuộc lĩnh vực y học dự phòng (hoặc y tế công cộng).

Ngành Răng - Hàm - Mặt: có tối thiểu 02 (hai) tiến sĩ thuộc lĩnh vực khoa học y sinh, 02 (hai) tiến sĩ thuộc lĩnh vực y học lâm sàng và 03 (ba) tiến sĩ thuộc lĩnh vực Răng - Hàm - Mặt.

Ngành Y học dự phòng: có tối thiểu 02 (hai) tiến sĩ thuộc lĩnh vực khoa học y sinh, 01 (một) tiến sĩ thuộc lĩnh vực y học lâm sàng và 04 tiến sĩ thuộc lĩnh vực y học dự phòng (hoặc y tế công cộng).

Ngành Dược học: có tối thiểu 02 (hai) tiến sĩ ở các lĩnh vực thuộc về các môn học cơ sở ngành Dược và 03 (ba) tiến sĩ ở các lĩnh vực thuộc về các môn học chuyên ngành Dược.

d) Đối với ngành đăng ký đào tạo thuộc nhóm ngành Nghệ thuật phải có ít nhất 10 (mười) giảng viên cơ hữu cùng ngành hoặc ngành gần, trong đó phải có 01 (một) tiến sĩ và 03 (ba) thạc sĩ cùng ngành đăng ký đào tạo. Nếu ngành đăng ký mở mới mà trong nước chưa có cơ sở đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ thì có thể

thay thế giảng viên cơ hữu trình độ tiến sĩ bằng nghệ sĩ nhân dân có bằng đại học cùng ngành đăng ký đào tạo, thay thế giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ bằng nghệ sĩ ưu tú có bằng đại học cùng ngành đăng ký đào tạo.

đ) Giảng viên cơ hữu giảng dạy ít nhất 70% khối lượng chương trình đào tạo; khối lượng kiến thức còn lại do giảng viên thỉnh giảng (trong và ngoài nước) đã được ký kết hợp đồng thỉnh giảng với cơ sở đào tạo thực hiện. Các giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng đều phải có chuyên môn phù hợp với nội dung các học phần được phân công giảng dạy.

Đối với cơ sở đào tạo ngoài công lập, phải có tối thiểu 40% giảng viên cơ hữu giảng dạy ngành đăng ký đào tạo trong độ tuổi lao động.

Trường hợp triển khai đào tạo tại phân hiệu ngành đã được cho phép đào tạo ở trụ sở chính, nếu phân hiệu cách xa trụ sở chính hoặc không thuận lợi về phương tiện đi lại (giảng viên không thể thường xuyên đi về trong ngày để thực hiện giảng dạy) thì phân hiệu phải đảm bảo tối thiểu 40% số giảng viên cơ hữu quy định tại khoản này; số giảng viên cơ hữu còn lại là giảng viên cơ hữu tại trụ sở chính.

e) Đối với các ngành mới mà chưa có thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo trong nước, nếu chưa đủ số lượng giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ cùng ngành theo quy định thì có thể thay thế bằng thạc sĩ, tiến sĩ ngành gần. Các giảng viên này phải có kinh nghiệm giảng dạy trình độ đại học ít nhất 05 (năm) năm và có ít nhất 02 (hai) công trình khoa học thuộc lĩnh vực ngành đăng ký đào tạo đã công bố trong 05 (năm) năm tính đến ngày cơ sở đào tạo đăng ký mở ngành đào tạo.

3. Cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy, nghiên cứu, học tập theo yêu cầu của ngành đăng ký đào tạo trình độ đại học; cụ thể:

a) Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm với các trang thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của ngành đăng ký đào tạo, đảm bảo đủ theo danh mục trang thiết bị tối thiểu phục vụ công tác đào tạo của ngành hoặc nhóm ngành đã được quy định (nếu có); có hợp đồng liên kết giảng dạy thực hành, thực tập trong lĩnh vực ngành mở mới với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất thuộc lĩnh vực ngành đăng ký đào tạo.

Đối với một số ngành thuộc nhóm ngành sức khỏe, điều kiện về cơ sở thực hành ngoài cơ sở đào tạo được thực hiện theo các quy định hiện hành; điều kiện về cơ sở thực hành tại cơ sở đào tạo được quy định như sau:

- Ngành Y đa khoa: ít nhất phải có các phòng thí nghiệm, thực hành về Sinh học và di truyền y học, Lý sinh, Hóa học, Giải phẫu, Mô phôi, Sinh lý, Hóa sinh, Vi sinh - Ký sinh trùng, Giải phẫu bệnh, Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Dược lý, Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm, Sức khỏe môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp, Điều dưỡng cơ bản. Trung tâm tiền lâm sàng phải có tối thiểu các phòng thực hành cho khối kiến thức chuyên ngành về: hệ nội, hệ ngoại, phụ - sản, nhi, hồi sức cấp cứu, điều dưỡng.

- Ngành Y học cổ truyền: ít nhất phải có các phòng thí nghiệm, thực hành về Sinh học và di truyền y học, Lý sinh, Hóa học, Giải phẫu, Mô phôi, Sinh lý, Hóa sinh, Vi sinh - Ký sinh trùng, Giải phẫu bệnh, Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Dược lý, Thực vật dược, Điều dưỡng cơ bản. Trung tâm tiền lâm sàng có tối thiểu các phòng thực hành cho khối kiến thức chuyên ngành về: hệ nội, hệ ngoại, hồi sức cấp cứu, điều dưỡng, châm cứu, xoa bóp - dưỡng sinh, dược liệu, phương tễ.

- Ngành Răng - Hàm - Mặt: ít nhất phải có các phòng thí nghiệm, thực hành về Sinh học và di truyền y học, Lý sinh, Hóa học, Giải phẫu, Mô phôi, Sinh lý, Hóa sinh, Vi sinh - Ký sinh trùng, Giải phẫu bệnh, Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Dược lý, Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm, Điều dưỡng cơ bản. Trung tâm tiền lâm sàng có tối thiểu các phòng thực hành cho khối kiến thức chuyên ngành về: Chữa răng và nội nha, phục hình, chỉnh nha, nha chu, phẫu thuật trong miệng và phẫu thuật hàm mặt, Labo răng giả.

- Ngành Y học dự phòng: ít nhất phải có các phòng thí nghiệm, thực hành về Sinh học và di truyền y học, Lý sinh, Hóa học, Giải phẫu, Mô phôi, Sinh lý, Hóa sinh, Vi sinh - Ký sinh trùng, Giải phẫu bệnh, Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Dược lý, Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm, Sức khỏe môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp, Điều dưỡng cơ bản. Trung tâm tiền lâm sàng có tối thiểu các phòng thực hành cho khối kiến thức chuyên ngành về: hệ nội, hệ ngoại, phụ - sản, nhi, hồi sức cấp cứu, điều dưỡng.

- Ngành Dược học: ít nhất phải có các phòng thí nghiệm, thực hành về Vật lý, Hóa đại cương vô cơ, Sinh học, Hóa phân tích, Giải phẫu - sinh lý, Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Hóa sinh, Vi sinh - Ký sinh trùng, Thực vật dược, Hóa hữu cơ, Dược lý, Dược liệu, Hóa dược, Dược học cổ truyền, Bào chế, Dược lâm sàng, Công nghiệp dược, Kiểm nghiệm thuốc, Chiết suất vi sinh. Có ít nhất một nhà thuốc thực hành.

- Ngành Điều dưỡng: ít nhất phải có các phòng thí nghiệm, thực hành về Sinh học và di truyền y học, Lý sinh, Hóa học, Giải phẫu, Sinh lý, Hóa sinh, Vi sinh - Ký sinh trùng, Giải phẫu bệnh, Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Dược lý, Dinh dưỡng tiết chế, Sức khỏe môi trường, Y học cổ truyền, Điều dưỡng cơ bản. Trung tâm tiền lâm sàng có tối thiểu các phòng thực hành cho khối kiến thức chuyên ngành về: chăm sóc sức khỏe bệnh Nội khoa; chăm sóc sức khỏe Ngoại khoa; chăm sóc sức khỏe phụ nữ - bà mẹ và gia đình; chăm sóc sức khỏe trẻ em; chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng.

b) Có thư viện, thư viện điện tử đảm bảo đủ tài liệu hỗ trợ giảng dạy, nghiên cứu, học tập của giảng viên và sinh viên;

c) Trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo phải được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết chất lượng giáo dục và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục; công khai danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng, sinh viên trúng tuyển, tốt nghiệp và được cấp bằng hàng năm theo các khóa học, ngành học (trừ các ngành phải bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật); tỷ lệ việc làm của sinh viên sau 01 (một) năm tốt nghiệp các ngành đang đào tạo tại cơ sở đào tạo; công khai mức thu học phí và chi phí đào tạo của cơ sở đào tạo; công khai chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo của tất cả các ngành đang tổ chức đào tạo.

Nếu cơ sở đào tạo triển khai đào tạo trình độ đại học tại phân hiệu đối với ngành đào tạo đã được cho phép mở ngành đào tạo ở trụ sở chính thì cơ sở vật chất tại phân hiệu phải đảm bảo các điều kiện theo điểm a, điểm b, Khoản này.

4. Chương trình đào tạo và điều kiện khác thực hiện chương trình:

a) Chương trình đào tạo của ngành đăng ký phải bảo đảm chuẩn kiến thức và kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp và đáp ứng yêu cầu liên thông giữa các trình độ và với các chương trình đào tạo khác;

b) Chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần của ngành đăng ký đào tạo được xây dựng đảm bảo chuẩn đầu ra, phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam hiện hành;

c) Chương trình đào tạo (theo mẫu tại Phụ lục I) được thủ trưởng cơ sở đào tạo ban hành sau khi đã được hội đồng khoa học và đào tạo thông qua và sẽ thực hiện nếu được cơ quan có thẩm quyền cho phép mở ngành đào tạo;

d) Đã đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục đại học hoặc được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo quy định hiện hành;

đ) Có đơn vị quản lý chuyên trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ quản lý đào tạo; đã ban hành quy định đào tạo trình độ đại học;

e) Không vi phạm các quy định hiện hành về điều kiện mở ngành đào tạo, tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo ở các ngành đang đào tạo và các quy định liên quan đến giáo dục đại học trong thời hạn 03 (ba) năm, tính đến ngày đề nghị mở ngành.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định cho phép mở ngành đào tạo

1. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép mở ngành đào tạo khi cơ sở đào tạo bảo đảm các điều kiện quy định tại Điều 2 của Thông tư này. Việc cho phép mở ngành đào tạo trong những trường hợp đặc biệt để đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao hoặc trong những lĩnh vực đào tạo đặc thù do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định.

2. Giám đốc đại học quốc gia được tự chủ quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học đối với các khoa trực thuộc, phân hiệu và các trường đại học thành viên khi đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 2 của Thông tư này;

Thủ trưởng các cơ sở đào tạo đã được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc được giao quyền tự chủ mở ngành đào tạo được tự chủ quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học khi đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 2 của Thông tư này.

3. Giám đốc đại học vùng được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ủy quyền quyết định mở ngành đào tạo khi đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 2 của Thông tư này đối với các khoa trực thuộc, phân hiệu và các trường đại học thành viên.

Điều 4. Trình tự, thủ tục đăng ký mở ngành đào tạo

1. Khi có nhu cầu mở ngành đào tạo và tự đánh giá có đủ các điều kiện mở ngành trình độ đại học quy định tại Điều 2 của Thông tư này, cơ sở đào tạo thực hiện các bước sau đây:

a) Thủ trưởng cơ sở đào tạo chỉ đạo thực hiện việc kiểm tra và xác nhận các điều kiện thực tế mở ngành đào tạo theo mẫu tại Phụ lục II. Thủ trưởng cơ sở đào tạo chịu trách nhiệm về tính xác thực của các điều kiện mở ngành đào tạo đã xác nhận;

b) Thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này;

c) Gửi hồ sơ mở ngành đào tạo theo quy định tại Khoản 2, Điều này đến cơ quan có thẩm quyền quyết định cho phép mở ngành đào tạo theo quy định tại Điều 3 của Thông tư này.

2. Hồ sơ mở ngành đào tạo, bao gồm:

a) Công văn đề nghị mở ngành đào tạo của cơ sở đào tạo (tóm tắt quá trình xây dựng đề án mở ngành đào tạo, khẳng định đảm bảo điều kiện mở ngành đào tạo theo quy định);

b) Quyết nghị của Hội đồng đại học (đối với phân hiệu, khoa trực thuộc đại học quốc gia, đại học vùng), Hội đồng trường (đối với các cơ sở đào tạo đại học công lập), Hội đồng quản trị (đối với các cơ sở đào tạo đại học ngoài công lập) về việc mở ngành mới;

c) Đề án mở ngành đào tạo được xây dựng theo quy định tại Phụ lục III, bao gồm các nội dung chính:

- Sự cần thiết mở ngành đào tạo;
- Năng lực của cơ sở đào tạo (đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu ngành đề nghị mở ngành đào tạo; cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, giáo trình; hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế);
- Tóm tắt chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo (bao gồm cả đối tượng và điều kiện tuyển sinh, dự kiến tuyển sinh trong 03 (ba) năm đầu);
- Biên bản của Hội đồng khoa học đào tạo của cơ sở đào tạo thông qua đề án mở ngành đào tạo;

d) Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu theo mẫu tại Phụ lục IV và Phiếu tự đánh giá thực hiện các điều kiện mở ngành đào tạo của cơ sở đào tạo theo mẫu tại Phụ lục V;

đ) Minh chứng về nhu cầu xã hội đối với ngành dự kiến mở mới, bao gồm kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp trong cùng lĩnh vực ở địa phương, khu vực; ý kiến của những cơ quan, doanh nghiệp sử dụng lao động, dự báo nhu cầu nhân lực trong lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;

e) Các minh chứng về xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo, bao gồm: Quyết định thành lập tổ soạn thảo chương trình đào tạo; Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo

(sau đây gọi là Hội đồng thẩm định); Kết luận của Hội đồng thẩm định; Văn bản giải trình của cơ sở đào tạo về việc điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng theo kết luận của Hội đồng thẩm định (nếu có).

3. Hồ sơ mở ngành đào tạo được lập thành 02 (hai) bộ gửi tới cơ quan có thẩm quyền quyết định cho phép mở ngành đào tạo (trực tiếp hoặc theo đường bưu điện) và phải công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo trước khi gửi hồ sơ ít nhất 20 (hai mươi) ngày.

Điều 5. Thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo

1. Sau khi xác nhận các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế, cơ sở đào tạo thành lập Hội đồng thẩm định. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định phải nêu rõ chức danh, trình độ đào tạo, ngành đào tạo, đơn vị công tác của từng thành viên Hội đồng thẩm định.

2. Ngoài tiêu chuẩn và cơ cấu của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo theo quy định hiện hành, thành viên Hội đồng thẩm định phải là số lẻ; phải mời các thành viên của Hội đồng thẩm định từ ít nhất 02 (hai) cơ sở đào tạo khác, có kinh nghiệm đào tạo cùng ngành hoặc ngành gần (nếu ngành đăng ký đào tạo là ngành mới) với chương trình đào tạo được thẩm định, trong đó có ít nhất 01 (một) giáo sư hoặc phó giáo sư (trừ thành viên đại diện cho đơn vị sử dụng người học sau tốt nghiệp).

3. Căn cứ vào dự thảo chương trình đào tạo và các quy định hiện hành, Hội đồng thẩm định tiến hành thẩm định và kết luận về chương trình đào tạo; đồng thời, căn cứ vào các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế của cơ sở đào tạo đã được xác nhận để đánh giá và kết luận cơ sở đào tạo có đáp ứng yêu cầu đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo theo quy định hiện hành hay không. Đối với những ngành có yêu cầu về máy móc, thiết bị thí nghiệm, thực hành quy định tại Khoản 3, Điều 2 của Thông tư này, Hội đồng thẩm định kiểm tra điều kiện thực tế trước khi kết luận.

4. Biên bản thẩm định phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng thẩm định và đóng dấu của cơ sở đào tạo.

Điều 6. Xem xét và ra quyết định mở ngành đào tạo

1. Sau khi nhận được hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo của cơ sở đào tạo, cơ quan có thẩm quyền quyết định mở ngành đào tạo tổ chức xem xét hồ sơ:

a) Nếu hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo đầy đủ và đảm bảo các điều kiện theo quy định, thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền quyết định mở ngành đào tạo ra quyết định cho phép mở ngành đào tạo;

b) Nếu hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo chưa đầy đủ, chưa đảm bảo các điều kiện theo quy định, cơ quan có thẩm quyền quyết định mở ngành đào tạo thông báo bằng văn bản cho cơ sở đào tạo kết quả thẩm định và những nội dung chưa đảm bảo quy định.

2. Việc xem xét hồ sơ mở ngành đào tạo được thực hiện trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ sở đào tạo.

Điều 7. Đình chỉ tuyển sinh ngành đào tạo

1. Cơ sở đào tạo bị đình chỉ tuyển sinh ngành đào tạo khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- a) Không bảo đảm một trong các điều kiện quy định tại Điều 2 của Thông tư này;
- b) Tổ chức tuyển sinh và đào tạo ngoài địa điểm được phép tổ chức hoạt động đào tạo;
- c) Vi phạm quy định của pháp luật về giáo dục bị xử phạt ở mức độ phải đình chỉ tuyển sinh;
- d) Không thực hiện đúng quy định tại Khoản 1, Điều 11 của Thông tư này;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định đình chỉ tuyển sinh ngành đào tạo đối với những cơ sở đào tạo vi phạm quy định tại Khoản 1, Điều này. Thời hạn đình chỉ tuyển sinh từ 12 tháng đến 24 tháng.

Quyết định đình chỉ tuyển sinh ngành đào tạo phải xác định rõ lý do đình chỉ tuyển sinh, thời hạn đình chỉ tuyển sinh, các biện pháp cụ thể đảm bảo quyền lợi của người học và giảng viên.

3. Sau thời hạn đình chỉ tuyển sinh, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ tuyển sinh được khắc phục và đảm bảo các điều kiện tại Điều 2 của Thông tư này thì Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép cơ sở đào tạo được tuyển sinh trở lại.

Điều 8. Thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học

1. Cơ sở đào tạo bị Bộ Giáo dục và Đào tạo thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học liên quan khi để xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có hành vi gian lận để được mở ngành đào tạo trình độ đại học;
- b) Vi phạm nghiêm trọng quy định về tuyển sinh, quản lý, tổ chức đào tạo;
- c) Hết thời hạn đình chỉ tuyển sinh mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ tuyển sinh;
- d) Vi phạm quy định của pháp luật về giáo dục bị xử phạt ở mức độ phải thu hồi quyết định mở ngành;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định thu hồi quyết định cho phép đào tạo phải xác định rõ lý do thu hồi, các biện pháp cụ thể đảm bảo quyền lợi của sinh viên và giảng viên; công khai trên cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo, Hội đồng thẩm định và đơn vị có người được mời tham gia Hội đồng thẩm định

1. Thủ trưởng cơ sở đào tạo có trách nhiệm:

- a) Đảm bảo tính trung thực, chính xác của hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo trình độ đại học;
- b) Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, minh chứng khi Hội đồng thẩm định hoặc các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu;
- c) Chịu trách nhiệm về các điều kiện bảo đảm chất lượng cho hoạt động đào tạo trình độ đại học của cơ sở đào tạo;
- d) Thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định;
- đ) Bố trí kinh phí và chi trả theo quy định hiện hành cho việc thực hiện kiểm tra, xác nhận điều kiện thực tế; thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo;
- e) Tổ chức kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm nội bộ theo quy định của pháp luật và chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan chức năng có thẩm quyền về các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo;
- g) Thủ trưởng các cơ sở đào tạo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3, Điều 3 của Thông tư này tổ chức xem xét hồ sơ và các điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học, quyết định mở ngành và gửi quyết định mở ngành kèm theo hồ sơ theo quy định tại khoản 2, Điều 4 của Thông tư này về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thẩm định thực hiện thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các kết quả thẩm định; chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

3. Đơn vị có giảng viên hoặc cán bộ khoa học được mời tham gia Hội đồng thẩm định có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho các thành viên này hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 10. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Tổ chức xem xét hồ sơ và các điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các cơ sở đào tạo theo quy định.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc mở ngành đào tạo trình độ đại học theo quy định hiện hành, đảm bảo chất lượng đào tạo.

Điều 11. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với những ngành đào tạo đang triển khai thực hiện, trong thời hạn 02 (hai) năm, kể từ khi Thông tư này có hiệu lực, cơ sở đào tạo phải rà soát, bổ sung các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định tại Điều 2 của Thông tư này; báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Sau 05 (năm) năm liên tiếp không tuyển sinh ngành đào tạo đã được cho phép, nếu muốn tuyển sinh và tổ chức đào tạo trở lại, cơ sở đào tạo phải đăng ký mở ngành đào tạo lại theo các quy định của Thông tư này.

3. Các ngành mới, sau 02 (hai) khóa tốt nghiệp, cơ sở đào tạo phải tổ chức đánh giá chương trình đào tạo, chất lượng và hiệu quả đào tạo, việc làm của người học sau khi đào tạo, ý kiến của người sử dụng lao động về chương trình đào tạo và nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực để làm cơ sở đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tiếp tục đào tạo và bổ sung tên ngành mới vào Danh mục đào tạo.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 10 năm 2017.

2. Thông tư này thay thế các quy định về mở ngành đào tạo trình độ đại học tại Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ

cao đẳng và bãi bỏ các quy định cá biệt liên quan đến việc mở ngành đào tạo trình độ đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành trước khi Thông tư này có hiệu lực.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; thủ trưởng các cơ sở đào tạo; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Văn Ga

Phụ lục I

*(Kèm theo Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

BỘ, NGÀNH (Cơ quan chủ quản nếu có)
TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số... ngày... tháng... năm... của Hiệu trưởng/Giám đốc)

Tên chương trình:.....

Trình độ đào tạo:.....

Ngành đào tạo:.....; Mã số:.....

1. Mục tiêu

- Mục tiêu chung

- Mục tiêu cụ thể: Kiến thức, kỹ năng, thái độ, vị trí làm việc sau tốt nghiệp, trình độ Ngoại ngữ, Tin học,...

2. Chuẩn đầu ra (theo quy định tại Thông tư số 07/2015)**2.1. Kiến thức****2.2. Kỹ năng****2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm****3. Khối lượng kiến thức toàn khóa****4. Đối tượng tuyển sinh****5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp****6. Cách thức đánh giá****7. Nội dung chương trình**

STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương				
	Học phần...			
	Học phần....			

2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				
	Học phần....			
	Học phần....			
2.2. Kiến thức ngành				
	Học phần....			
	Học phần....			
2.3. Kiến thức chuyên ngành (nếu có)				
	Học phần....			
	Học phần....			

8. Hướng dẫn thực hiện:

Thủ trưởng cơ sở đào tạo đăng ký
mở ngành đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục II

*(Kèm theo Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN KIỂM TRA THỰC TẾ ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ
GIẢNG VIÊN, TRANG THIẾT BỊ, THƯ VIỆN**

- Cơ sở đào tạo:...
- Địa chỉ trụ sở chính:...
- Thành phần Đoàn kiểm tra (theo Quyết định số..... ngày..... tháng.... năm...):...
- Các nội dung kiểm tra:

1. Đội ngũ giảng viên và kỹ thuật viên cơ hữu của cơ sở

1.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở phân theo các chương trình giảng dạy trong đó bao gồm cả chương trình đang đăng ký mở ngành

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1. Ngành 1 (ngành đã được cho phép đào tạo theo QĐ..... ngày....)						
1						
2						
...						
2. Ngành 2 (ngành đã được cho phép đào tạo theo QĐ..... ngày....)						
1						
2						
...						
n. Ngành n (ngành đã được cho phép đào tạo theo QĐ..... ngày....)						
1						
2						
...						
n+1. Ngành đăng ký đào tạo						
1						
2						
...						

2.2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

Số TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành			Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học/ học phần		
1			-				
			-				
			-				
2			-				
			-				
			-				
...							

2.3. Thư viện

- Diện tích thư viện:..... m²; Diện tích phòng đọc:..... m²
- Số chỗ ngồi:....; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu:...
- Phần mềm quản lý thư viện:.....
- Thư viện điện tử:.....; Số lượng sách, giáo trình điện tử:...

2.4. Danh mục giáo trình của các ngành đang đào tạo và đăng ký đào tạo

Số TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1								
2								
...								

2.5. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

Số TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả Đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần	Đúng/Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1							
2							
...							

2.6. Danh sách các cơ sở thực hành thực tập ngoài cơ sở đào tạo

Kèm hợp đồng đào tạo giữa cơ sở đào tạo và cơ sở thực hành/thực tập

Hồ sơ kèm Biên bản kiểm tra điều kiện thực tế của cơ sở

....., ngày..... tháng.... năm....

Thủ trưởng cơ sở đào tạo

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục III

*(Kèm theo Thông tư số 22/2017/TT- BGDDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

BỘ, NGÀNH (Cơ quan chủ quản nếu có)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO:****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày tháng năm

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành:.....; Mã số:.....

Trình độ đào tạo:.....

Kính gửi:

I. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

1. Giới thiệu khái quát về cơ sở đào tạo

2. Trình bày sự cần thiết về việc mở ngành

- Sự phù hợp với chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo

- Sự phù hợp về nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia.

II. Tóm tắt điều kiện mở ngành đào tạo

- Năng lực của cơ sở đào tạo (đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu ngành đề nghị mở ngành đào tạo; cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, giáo trình; hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế);

- Tóm tắt chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo (bao gồm cả đối tượng và điều kiện tuyển sinh, dự kiến tuyển sinh trong 3 năm đầu);

- Biên bản của Hội đồng khoa học đào tạo của cơ sở đào tạo thông qua đề án mở ngành đào tạo;

III. Đề nghị và cam kết thực hiện

1. Địa chỉ website đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học.

2. Đề nghị của cơ sở đào tạo

3. Cam kết triển khai thực hiện.

Nơi nhận:**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO***(Ký tên, đóng dấu)*

-

- Lưu:...

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí

Xác nhận của cơ quan

....., ngày tháng năm

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

Phụ lục V

(Kèm theo Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ, NGÀNH (Cơ quan chủ quản nếu có)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO:****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH

Tên ngành:.....; Mã số:.....

TT	Điều kiện mở ngành	Điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo	Ghi chú
1	Sự cần thiết phải mở ngành 1.1. Phân tích, đánh giá sự phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia 1.2. Sự phù hợp với Danh mục đào tạo cấp IV trình độ đại học hiện hành 1.3. Thuyết minh về ngành đăng ký đào tạo không nằm trong Danh mục đào tạo (nếu có) 1.4. Kế hoạch phát triển trường (Quyết nghị của Hội đồng trường/Hội đồng quản trị thông qua việc mở ngành đăng ký đào tạo). 1.5. Quyết định phân công đơn vị chủ trì xây dựng đề án đăng ký mở ngành đào tạo		
2	Đội ngũ giảng viên 2.1. Tổng số giảng viên cơ hữu và tỷ lệ % giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện chương trình đào tạo 2.2. Giảng viên cơ hữu - Tổng số thạc sỹ cùng ngành, ngành gần: - Số tiến sỹ cùng ngành: - Số thạc sỹ cùng ngành:		

	2.3. Lý lịch khoa học của các giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo 2.4. Giảng viên thỉnh giảng 2.5. Các minh chứng về đội ngũ giảng viên cơ hữu đối với ngành đăng ký đào tạo chưa có trong Danh mục đào tạo (nếu có)		
3	Cơ sở vật chất 3.1. Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm 3.2. Thư viện, thư viện điện tử 3.3. Hoạt động Website của cơ sở đào tạo		
4	Chương trình đào tạo 4.1. Tóm tắt chương trình đào tạo 4.2. Quyết định ban hành chương trình đào tạo 4.3. Kế hoạch tổ chức đào tạo		
5	Thẩm định chương trình đào tạo và điều kiện đảm bảo chất lượng 5.1. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định 5.2. Biên bản Hội đồng thẩm định 5.3. Giải trình của cơ sở đào tạo theo góp ý của Hội đồng thẩm định (nếu có)		

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)

Số 3576 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc biên soạn, điều chỉnh đề cương chi tiết học phần

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 3 năm 2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Hướng dẫn thực hiện việc biên soạn, điều chỉnh đề cương chi tiết học phần cho chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất (có Hướng dẫn kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các Khoa, Bộ môn và Đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, ĐTDH.



PGS.TS Lê Hải An

Phụ lục 1
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BIÊN SOẠN, ĐIỀU CHỈNH ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN

(Kèm theo Quyết định số 3576 /2015/QĐ-MĐC, ngày 03/12/2015)

Đề cương chi tiết học phần do giảng viên hoặc nhóm giảng viên cùng giảng dạy một học phần biên soạn dưới sự chỉ đạo của Trưởng bộ môn (có mẫu kèm theo).

Đề cương chi tiết học phần thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập của học phần. Đề cương chi tiết học phần thể hiện toàn bộ kế hoạch giảng dạy và học tập của học phần, thông qua đó quá trình dạy và học được tiến hành theo đúng lộ trình đã được đặt ra, nhằm giúp sinh viên nâng cao tính tự học và tự nghiên cứu để đạt kết quả tốt nhất trong học tập. Để việc biên soạn, chỉnh sửa đề cương hoàn thành đúng kế hoạch, Nhà trường hướng dẫn một số mục như sau:

Mục 1. Thông tin chung về học phần

Nội dung kiến thức được tổ chức dưới các hình thức chủ yếu: lý thuyết, thảo luận, thực hành, thí nghiệm, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu.

Do vậy, ở mỗi nội dung, giảng viên/nhóm giảng viên xác định được số giờ tín chỉ sẽ thực hiện ở từng hình thức trên. Để chuẩn bị cho 1 giờ lý thuyết sinh viên cần 2 giờ chuẩn bị ở nhà, cho 2 giờ thực hành cần 1 giờ chuẩn bị, hoặc 3 giờ tự học, tự nghiên cứu đối với đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp và được biểu diễn dưới dạng:

- $A(x-y-z)$: A là số tín chỉ của học phần, x giờ dạy lý thuyết, y giờ hướng dẫn thực hành/thí nghiệm hoặc thực tập, z giờ chuẩn bị/tự học hay tự nghiên cứu ở nhà.
- 1 tín chỉ học phần chỉ có lý thuyết, bài tập: **1(1-0-2)**;
- 1 tín chỉ học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc thực tập: **1(0-2-1)**;
(tương ứng với 2 giờ thực hành, thí nghiệm có sự hướng dẫn của giảng viên và 1 giờ chuẩn bị của sinh viên)
- 1 tín chỉ học phần đồ án **1(0-0-3)**;

VD:

- Học phần Cơ sở dữ liệu địa hình có số tín chỉ là 2 được biểu diễn dưới dạng: **2(2-0-4)**
- Học phần các mỏ khoáng kim loại có số tín chỉ là 3, trong đó có 2 tín chỉ lý thuyết, 1 tín chỉ thực tập được biểu diễn dưới dạng: **3(2-2-5)**
 - 2 tín chỉ lý thuyết: **2 (2-0-4)**
 - 1 tín chỉ thực tập phòng TN: **1(0-2-1)**
- Học phần đồ án tốt nghiệp 7 tín chỉ: **7(0-0-21)**

Mục 2. Đơn vị quản lý học phần

Cung cấp những thông tin cơ bản về giảng viên tham gia giảng dạy (những giảng viên cùng giảng dạy) học phần, trợ giảng (nếu có) như họ tên, học hàm, học vị, địa chỉ liên hệ, mã cán bộ, (bộ môn, khoa, email, ...).

Mục 3. Điều kiện tiên quyết

Học phần tiên quyết hoặc học phần học trước là học phần cung cấp kiến thức nền và phải được dạy trước học phần được xây dựng đề cương.

Mục 4. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu của học phần gồm mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ mà sinh viên có được sau khi hoàn thành học phần.

Kỹ năng:

- Kỹ năng làm việc nhóm;
- Kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định;
- Kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề;
- Kỹ năng tìm kiếm và lựa chọn kiến thức để dùng vào những mục đích riêng biệt.

Mục 5. Tóm tắt nội dung học phần

Mô tả tóm tắt các nội dung chính giảng dạy trên lớp cho sinh viên (khoảng 10 dòng)

Mục 6. Cấu trúc nội dung học phần

Nêu nội dung chi tiết của học phần theo chương, mục lớn (hoặc theo các vấn đề chính của môn học), theo cấu trúc Chương 1 -> 1.1-> 1.1.1..., và khi học xong các chương này sinh viên sẽ tích lũy được những gì (Đánh số vào cột mục tiêu trong bảng 1- tương ứng với các mục tiêu về kiến thức và kỹ năng ở mục 4)

Mục 10. Tài liệu học tập

- Giới thiệu tối thiểu 3 tài liệu bắt buộc;
- Tài liệu tham khảo xác định cho từng nội dung, có thể ghi rõ các phần hoặc các trang quan trọng trong tài liệu tham khảo, giúp sinh viên thuận tiện trong việc nghiên cứu tài liệu.

Mục 11. Hướng dẫn tự học của học phần

Để chuẩn bị cho 1 giờ lý thuyết sinh viên cần 2 giờ chuẩn bị ở nhà; 2 giờ thực hành cần 1 giờ chuẩn bị hoặc 3 giờ tự học, tự nghiên cứu đối với đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp.

Những chương, mục nào giảng viên yêu cầu sinh viên tự đọc, tự nghiên cứu, làm bài tập cần được liệt kê trong phần này.

Lưu ý:

- Các học phần có khối lượng từ 1 đến 2 tín chỉ thiết kế học trong 6 tuần, 3 đến 4 tín chỉ thiết kế học trong 12 tuần.
- Đề cương chi tiết học phần phải được biên soạn đúng theo định dạng (format) của file Mẫu Đề cương chi tiết học phần.
- Sau khi được phê duyệt, Đề cương chi tiết học phần được gửi cho Phòng Đào tạo Đại học (bằng văn bản và file) và được cập nhật vào website của Trường.
- Tên file của Đề cương chi tiết học phần là DC_mã số học phần. (Vd: Đề cương môn Kinh tế công nghiệp: DC_4070303.doc).
- Mẫu đề cương có tại địa chỉ: ioffice.humg.edu.vn

Trên đây là một số hướng dẫn cơ bản để giảng viên/nhóm giảng viên tham khảo viết đề cương chi tiết học phần. Nhà trường yêu cầu các Khoa, Bộ môn tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên/nhóm giảng viên thực hiện viết đề cương học phần đúng quy định./.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: *Tên tiếng Việt (tên tiếng Anh)*

.....
.....
Mã số học phần:

Số tín chỉ học phần:

Số tiết học phần:

Lý thuyết:.....; Bài tập:.....; Thực hành:.....;

Thực tập:.....; Đồ án:.....; Tự học:.....;

2. Đơn vị quản lý học phần

2.1. Giảng viên giảng dạy:

Mã giảng viên

1. TS. Nguyễn Văn A

0405-02

2. TS. Phạm Văn B

0405-03

3. Ths. Trần Văn C

0405-05

2.2. Bộ môn:

2.3. Khoa:

3. Điều kiện học học phần (mã số học phần)

3.1. Môn học tiên quyết:

3.2. Môn học học trước:

4. Mục tiêu của học phần (là kết quả học tập mong đợi người học đạt được)

4.1. Kiến thức (Trình bày những kiến thức mong muốn sinh viên tích lũy được sau khi hoàn thành học phần?)

4.1.1.....
.....

4.2. Kỹ năng (Trình bày những kỹ năng cứng và kỹ năng mềm mong muốn sinh viên tích lũy được sau khi hoàn thành học phần?)

4.2.1.....

4.2.2.....
.....

5. Tóm tắt nội dung học phần

(Mô tả tóm tắt các nội dung chính giảng dạy cho người học; khoảng 10 dòng)

6. Cấu trúc nội dung học phần

Bảng 1. Nội dung học phần

6.1. Lý thuyết			
<i>Đề mục</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Số tiết</i>	<i>Mục tiêu</i>
Chương 1		2	
1.1			4.1.1
1.2			4.2.1
Chương 2			
2.1			4.2.2
2.2			
Chương 3			4.x.y
.....			
6.2. Thí nghiệm/Thực hành (nếu có)			
<i>Đề mục</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Số tiết</i>	<i>Mục tiêu</i>
Chương 1			4.1.1
Bài 1			
Bài 2			
.....			
Chương 2			
Bài 1			
Bài 2			
Chương 3			
.....			

Lưu ý:

- Cột mục tiêu (đánh số) theo mục 4 các mong muốn đạt được sau khi kết thúc chương

7. Phương pháp giảng dạy (Trình bày các phương pháp giảng dạy được áp dụng giảng dạy học phần)

- Giảng dạy lý thuyết kết hợp bài tập

-

8. Nhiệm vụ của sinh viên (Trình bày các nhiệm vụ sinh viên phải thực hiện)

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Hoàn thành đầy đủ 100% giờ thực hành/thí nghiệm/thực tập và có báo cáo kết quả.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).
- Chủ động chuẩn bị các nội dung và thực hiện giờ tự học theo mục 11.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

Bảng 2. Đánh giá học phần

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm chuyên cần	Số tiết tham dự học/tổng số tiết	10%
2	Điểm bài tập	Số bài tập đã làm/số bài tập được giao.	30%
3	Điểm bài tập nhóm	- Báo cáo/thuyết minh/... - Được nhóm xác nhận có tham gia.	
4	Điểm thực hành/ thí nghiệm/ thực tập	- Báo cáo, kỹ năng thực hành/.... - Tham gia 100% số giờ.	
5	Điểm kiểm tra giữa kỳ	- Thi viết/trắc nghiệm/vấn đáp/... (.... phút)	
...	...	...	...
...	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết/trắc nghiệm/vấn đáp/... (.... phút). - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và 100% giờ thực hành - Dự thi kết thúc học phần.	60%

Lưu ý:

- Nội dung trong bảng trên chỉ là gợi ý để tham khảo, tùy theo đặc điểm của học phần có thể thiết kế điểm thành phần, quy định, trọng số, mục tiêu đánh giá học phần cho phù hợp. Tổng cộng trọng số của các điểm thành phần là 100%.

- Cột “Quy định” tương ứng với các điểm thành phần có thể trình bày thêm nội dung tiêu chí đánh giá.

- Hình thức thi có thể thay đổi theo từng năm học (Giảng viên cần thông báo cho bộ phận Khảo thí nếu thay đổi hình thức thi vào đầu HK)

9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

10. Tài liệu học tập

[1] (Giáo trình/bài giảng)

[2] (Tài liệu tham khảo khác)

Lưu ý: Giới thiệu tối thiểu 3 giáo trình/ tài liệu tham khảo của học phần.

11. Hướng dẫn tự học của học phần

Bảng 3. Nội dung chuẩn bị

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Bài tập (tiết)	Thực hành (tiết)	Sinh viên cần chuẩn bị
1	Chương 1:..... 1.1. 1.2. 1.3.	4	0	0	+Tài liệu [1]: Nội dung từng mục của Chương (ví dụ: 1.1 đến 1.3, Chương 1). +Ôn tập nội dung đã học ở học phần +Tra cứu nội dung về: -Tìm hiểu bài thí nghiệm số 1 (từ trang.....đến trang.....) được hướng dẫn trong tài liệu [2]. -Tìm hiểu Phần 1 (từ trang... đến trang.....) và Phần 3 (từ trang đến trang.....) để rõ hơn về các vấn đề sau:.....trong tài liệu [1]. -Làm bài tập số 1, 2,.....của Chương 1, tài liệu [2]. -Làm việc nhóm (<i>theo danh sách phân nhóm</i>): làm bài tập số 5 của Chương 1, tài liệu [2] và viết báo cáo nhóm. -Viết báo cáo bài thí nghiệm (ví dụ: Bài thí nghiệm số 1, Chương 1) -Tìm hiểu Bài thí nghiệm số 2 được hướng dẫn trong tài liệu [1].
2	Chương 2:..... 2.1. 2.2.	3	2	5	
3	Chương 3:..... 3.1. 3.2. 3.3.	3		5	
....					

Lưu ý:

- Nội dung trong bảng trên chỉ là gợi ý để tham khảo, tùy theo đặc điểm của học phần, bộ môn thiết kế số tiết lý thuyết, số tiết thực hành và nội dung sinh viên cần chuẩn bị trước tiết học cho phù hợp.
- Các học phần có khối lượng từ 1-2 tín chỉ thiết kế học trong 6 tuần, 3-4 tín chỉ thiết kế học trong 12 tuần

Hà nội, ngày ... tháng ... năm 20...

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG BỘ MÔN

Ghi chú:

- Đề cương chi tiết học phần phải được biên soạn đúng theo định dạng (format) của file Mẫu Đề cương chi tiết học phần.
- Sau khi được phê duyệt, Đề cương chi tiết học phần được gửi cho Phòng Đào tạo Đại học (bằng văn bản và file) và được cập nhật vào website của Trường.
- Tên file của Đề cương chi tiết học phần là DC_mã số học phần. (Vd: Đề cương môn Kinh tế công nghiệp: DC_4070303.doc)

Số 3529 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 3 năm 2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch thực hiện việc rà soát, đánh giá, cập nhật và điều chỉnh toàn bộ các chương trình đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất (có Kế hoạch kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các Khoa, Bộ môn và Đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, ĐTDH.



HIỆU TRƯỞNG

PG.SS Lê Hải An

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ VÀ CẬP NHẬT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số 3527 /2015/QĐ-MĐC, ngày 03/12/2015)

I. NỘI DUNG

1. Thống nhất kế hoạch và quy trình triển khai công việc.
2. Chuẩn bị tài liệu, dự trù kinh phí hỗ trợ công tác tổ chức thực hiện.
3. Phổ biến kế hoạch và quy trình tổ chức khai công việc đến các đơn vị.
4. Triển khai công việc:
 - Tổ chức rà soát, đánh giá chương trình đào tạo và đề xuất các nội dung cần điều chỉnh, sửa đổi (tại cấp cơ sở);
 - Tổ chức rà soát, đánh giá chương trình đào tạo và đề xuất các nội dung cần điều chỉnh (cấp Trường);
 - Hội đồng KH&ĐT xem xét thông qua các nội dung cần điều chỉnh;
 - Cập nhật chương trình đào tạo được hội đồng KH&ĐT thông qua và trình trình Hiệu trưởng phê duyệt;
 - Cập nhật chương trình đào tạo mới vào hệ thống QLĐT và công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường.

II. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI

1. Ban chỉ đạo

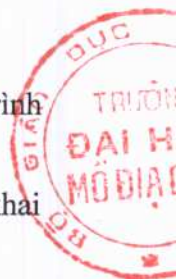
- Thành phần: Hội đồng KH&ĐT Nhà trường, hội đồng KH&ĐT các khoa
- Nội dung: Thống nhất nội dung và quy trình triển khai công việc.

2. Công tác chuẩn bị tài liệu, dự trù kinh phí

- Đơn vị phụ trách: Phòng Đào tạo đại học
- Đơn vị phối hợp: Phòng Tài vụ
- Thời gian dự kiến hoàn thành: trước 10/12/2015.

3. Phổ biến kế hoạch và quy trình triển khai công việc

- Chủ trì: Phòng Đào tạo đại học
- Thành phần: Thư ký hội đồng KH&ĐT các khoa; Các trưởng bộ môn
- Nội dung: Phổ biến Kế hoạch và thống nhất quy trình triển khai công việc đến các đơn vị.
- Thời gian dự kiến hoàn thành: trước 20/02/2016



4. Triển khai công việc

TT	Nội dung công việc	Thực hiện	Thời gian hoàn thành và sản phẩm
1	Gửi cho các đơn vị bộ chương trình đào tạo gốc để triển khai	Phòng ĐTĐH	- Trước 30/12/2015 - Sản phẩm: 45 chương trình đào tạo và đề cương chi tiết phiên bản Tiếng Việt
2	Tổ chức rà soát, đánh giá và đề xuất chương trình đào tạo (theo quy trình hướng dẫn chi tiết của Trường)	Các khoa; bộ môn	- Trước 18/2/2016 - Sản phẩm: + Các đề xuất về nội dung cần điều chỉnh trong CTĐT. + Các tài liệu khác liên quan
3	Tổ chức rà soát và tổng hợp các nội dung đề xuất từ các Khoa	Phòng ĐTĐH	- Trước ngày 26/3/2016 - Sản phẩm: Các đề xuất điều chỉnh CTĐT
4	- Trình Hội đồng KH&ĐT thông qua các nội dung đề xuất điều chỉnh - Tổ chức hội đồng thẩm định độc lập (nếu cần thiết).	HĐ KH&ĐT	- Trước 30/5/2016 - Sản phẩm: Biên bản thông qua của HĐ KH&ĐT về các nội dung cần điều chỉnh trong CTĐT; Biên bản thống qua của Hội đồng thẩm định độc lập.
5	- Tiếp thu và hoàn thiện CTĐT theo các góp ý của HĐ KH&ĐT, Hội đồng thẩm định độc lập. - Cập nhật các nội dung cần điều chỉnh vào CTĐT	Các Khoa/ Phòng ĐTĐH	- Trước 10/6/2016 - Sản phẩm: Bộ CTĐT đã cập nhật các nội dung cần điều chỉnh
6	- Trình Hiệu trưởng ra QĐ ban hành - Cập nhật trên hệ thống QLĐT - Công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường (áp dụng từ khóa K61)	Phòng QLĐT	- Trước ngày 15/7/2016 - Sản phẩm: Bộ CTĐT mới.

Công tác rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo của Trường là việc làm thường xuyên và có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao vị thế của Nhà trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế, Hiệu trưởng yêu cầu các đơn vị, cá nhân nghiêm túc thực hiện các nhiệm vụ được giao theo đúng kế hoạch, quy trình đề ra.

Trong quá trình triển khai công việc có vấn đề gì vướng mắc, phát sinh các đơn vị báo cáo Hiệu trưởng (qua Phòng Đào tạo, CV Đặng Thị Hồng Vân - Phòng 203, Nhà C12 tầng Email: dangthihongvan@humg.edu.vn) để kịp thời giải quyết./

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3598/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định xây dựng, điều chỉnh Chuẩn đầu ra và
Chương trình đào tạo của Trường Đại học - Mỏ địa chất**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 3 năm 2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế xây dựng, điều chỉnh Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo của Trường Đại học Mỏ - Địa chất”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các Khoa, Bộ môn và Đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3; 
- Lưu HCTH; ĐTDH.

HIỆU TRƯỞNG



QUY ĐỊNH
XÂY DỰNG, ĐIỀU CHỈNH CHUẨN ĐẦU RA VÀ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3591/QĐ-MĐC ngày 17 tháng 12 năm 2015
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo gồm : Khoa, bộ môn chuyên môn (sau đây gọi tắt là đơn vị).
2. Quy định này áp dụng đối với việc xây dựng và điều chỉnh các chương trình đào tạo trình độ đại học (bao gồm: Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo) của trường Đại học Mỏ -Địa chất.

Điều 2. Nguyên tắc xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo

Việc xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo phải đáp ứng các yêu cầu sau đây :

1. Các ngành/ chuyên ngành mới cần xây dựng theo hướng dẫn Thông tư 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17/02/2011 và thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng, về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
2. Việc xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo cần phải dựa vào kết quả điều tra khảo sát, có dự báo nhu cầu nguồn nhân lực trong ngắn hạn và dài hạn, có hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội;
3. Đảm bảo tính hệ thống và liên thông giữa các chương trình đào tạo cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ trong kế hoạch tổng thể phát triển ngành/chuyên ngành của Nhà trường
4. Ưu tiên xây dựng các ngành/chuyên ngành có tính liên ngành, độc đáo, phát huy thế mạnh của Nhà trường; Có tính liên thông, liên kết giữa các đơn vị, doanh nghiệp và các cơ sở sử dụng người lao động khi tốt nghiệp;
5. Phù hợp với sứ mạng và kế hoạch phát triển tổng thể trong ngắn hạn và dài hạn của Nhà trường;
6. Phù hợp với chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo;
7. Phù hợp với các tiêu chí đảm bảo chất lượng đào tạo và qui định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Mục tiêu của điều chỉnh chương trình đào tạo

1. Điều chỉnh nội dung đào tạo, phương pháp dạy – học, kiểm tra, đánh giá và phương thức quản lý gắn với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, đáp ứng nhu cầu xã hội và khả năng thu hút các nguồn lực, phù hợp phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

2. Tăng cường hội nhập quốc tế; thực hiện liên thông liên kết với các đại học trong và ngoài nước trong công nhận và chuyển đổi tín chỉ, giao lưu, trao đổi cán bộ và sinh viên, công nhận văn bằng và chứng chỉ đào tạo.

Điều 4. Điều kiện cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo

Việc cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo cần đáp ứng một trong các điều kiện sau đây :

1. Qua khảo sát nhu cầu thị trường lao động, nhận thấy cần phải có sự điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và xu hướng phát triển của ngành đào tạo;

2. Theo chu kỳ 2 năm;

3. Có sự sửa đổi, bổ sung các quy định của Nhà nước về phát triển chương trình đào tạo.

Điều 5. Quy trình xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo

Quy trình xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo được lược hóa qua biểu đồ (*tại phần Phụ lục*), gồm 9 bước:

Bước 1 : Căn cứ vào sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, các đơn vị tiến hành khảo sát nhu cầu thị trường lao động, xu hướng phát triển của ngành đào tạo, đồng thời nghiên cứu các chương trình đào tạo tiên tiến trong và ngoài nước để đề xuất Ban giám hiệu (thông qua Phòng Đào tạo) cho phép xây dựng, điều chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo.

Bước 2 : Sau khi được Ban giám hiệu phê duyệt và thành lập hội đồng; Hội đồng xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo của đơn vị tiến hành xây dựng, điều chỉnh mục tiêu và chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

Bước 3 : Xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo cần rà soát để đảm bảo tính hệ thống, tính liên thông với các chương trình đào tạo giữa các bậc và hệ đào tạo. Sản phẩm của bước này là Dự thảo chương trình đào tạo lần 1.

Bước 4: Trên cơ sở Dự thảo chương trình đào tạo lần 1, đơn vị tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan (bao gồm: người sử dụng lao động, cựu sinh viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục...)

Bước 5: Trên cơ sở thông tin thu thập được, Hội đồng hoàn thiện chương trình đào tạo để đưa ra sản phẩm là Dự thảo chương trình đào tạo lần 2.

Bước 6: Căn cứ vào mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ở Dự thảo chương trình đào tạo lần 2, Hội đồng xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo tiến hành xây dựng, điều chỉnh các chương trình học phần và chương trình giảng dạy học phần để đáp ứng nhu cầu đào tạo của Xã hội.

Bước 7: Đề xuất Nhà trường kế hoạch thực hiện biên soạn, cập nhật và bổ sung nguồn học liệu phục vụ cho chương trình đào tạo.

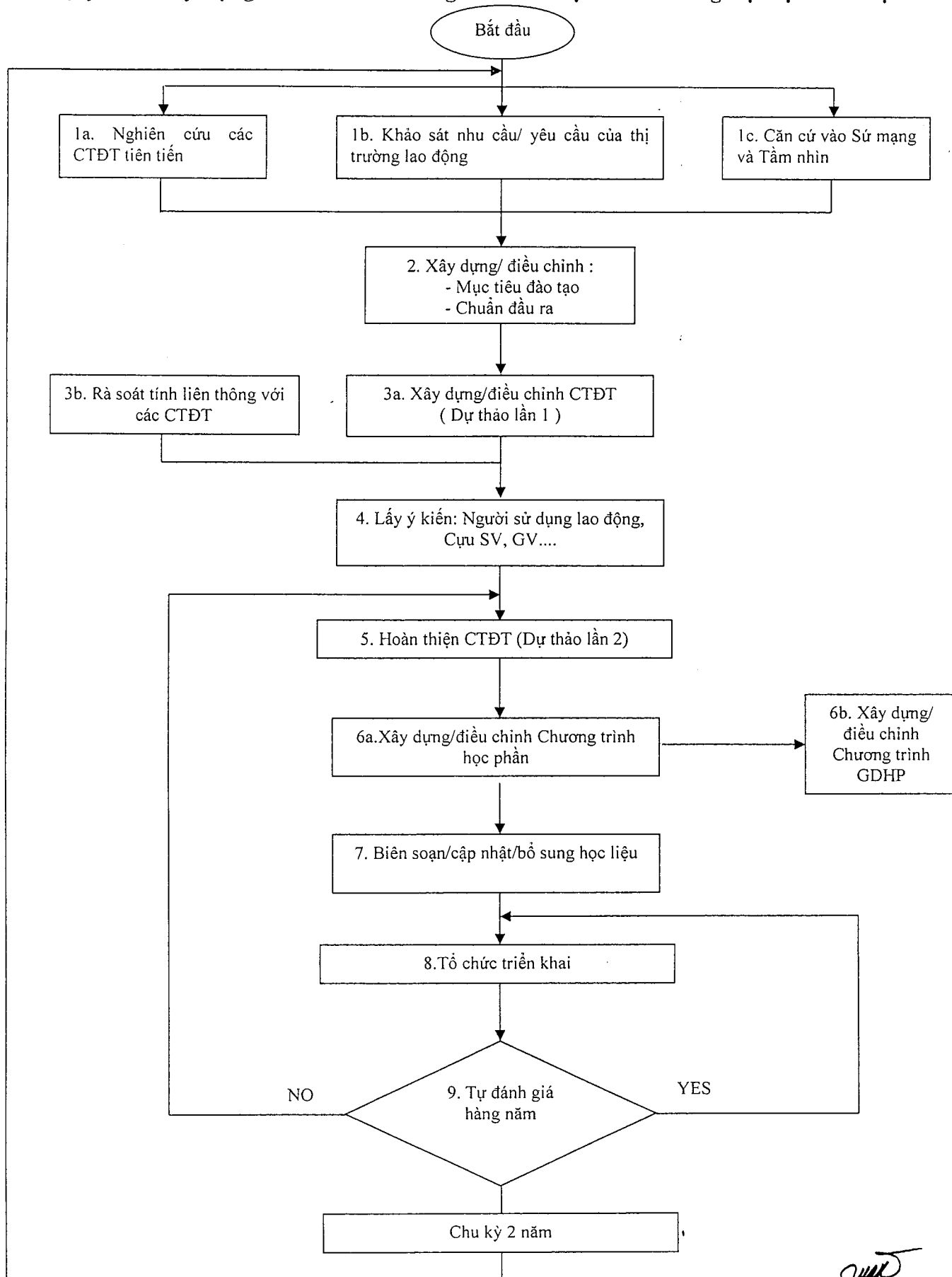
Bước 8: Ban hành chương trình đào tạo để tổ chức triển khai chương trình đào tạo theo Quy định đào tạo của bộ và của trường.

Bước 9 : Tự đánh giá chương trình đào tạo hàng năm, cụ thể :

- Nếu tổ chức đào tạo tốt thì tiếp tục triển khai chương trình đào tạo.
- Nếu tổ chức đào tạo có vấn đề thì quay lại thực hiện các công việc từ Bước 5 của Quy trình này.
- Sau tối thiểu mỗi chu kỳ đào tạo, đơn vị tiến hành lại 9 bước trên.

PHỤ LỤC

Quy trình xây dựng/ điều chỉnh chương trình đào tạo của Trường Đại học Mở - Địa chất



Quản lý

Số: 896 /MĐC-ĐTĐH

Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2016

V/v hướng dẫn các Quy định xây dựng
CTĐT hiện hành của BGD&ĐT

Kính gửi: Các Khoa và Bộ môn

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18/4/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12/3/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 772/QĐ-MĐC ngày 24/6/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Thông tư và Quyết định của Bộ Giáo dục và đào tạo, Nhà trường hướng dẫn cụ thể các Quy định xây dựng CTĐT hiện hành. Đề nghị các đơn vị liên quan thực hiện theo 8 bước sau:

Bước 1: Khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành/ chuyên ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành/ chuyên ngành đào tạo kết hợp với yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp theo quy định;

Bước 2: Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của CTĐT;

Bước 3: Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra;

Bước 4: Đối chiếu, so sánh với chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành/ chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài để hoàn thiện CTĐT;

Bước 5: Thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo CTĐT đã xác định;

Bước 6: Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của giảng viên, cán bộ quản lý trong và ngoài cơ sở đào tạo, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan và người đã bảo vệ tốt nghiệp về CTĐT;

Bước 7: Hoàn thiện dự thảo CTĐT trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan và trình Hội đồng khoa học và đào tạo của cơ sở đào tạo xem xét tiến hành các thủ tục thẩm định và áp dụng;

Bước 8: Đánh giá cập nhật thường xuyên nội dung chương trình môn học và phương pháp giảng dạy dựa trên các tiến bộ mới của lĩnh vực chuyên ngành và yêu cầu của việc sử dụng lao động.

(Mẫu hướng dẫn kèm theo địa chỉ <http://www.humg.edu.vn/vi/dtdh>)

Các đơn vị gửi CTĐT về phòng Đào tạo Đại học cho đ/c Bùi Thị Mai và gửi file về địa chỉ buiithimai@humg.edu.vn; daotao.sos@humg.edu.vn. Đề nghị các Bộ môn, Khoa chuyên môn thực hiện nghiêm túc, đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Các Khoa, Bộ môn chuyên môn (để th/hiện);
- Lưu: HC-TH, ĐTĐH(09).

TL.HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
MỎ ĐỊA CHẤT
PHÒNG ĐÀO TẠO
TS Nguyễn Thế Công

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 1694/QĐ-MĐC ngày 19 tháng 9 năm 2016
của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)*

I. Những vấn đề chung:

- | | |
|----------------------------------|-------------------|
| 1. Ngành đào tạo: | Mã số: 52520501 |
| 2. Chuyên ngành đào tạo: | Mã số: 5252050101 |
| 3. Trình độ đào tạo: | |
| 4. Loại hình đào tạo:..... | |
| 5. Bộ môn chủ quản đào tạo:..... | |

II. Chương trình đào tạo:

1. Mục tiêu đào tạo

- 1.1. Mục tiêu chung
- 1.2. Mục tiêu cụ thể
 - Kiến thức:
 - Kỹ năng:
 - Thái độ:
 - Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:
 - Trình độ ngoại ngữ:
 - Trình độ tin học:

2. Thời gian đào tạo: 5 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa (tính bằng số tín chỉ): 159 - 161

4. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định của BGD&ĐT

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

- 5.1. Quy trình đào tạo
- 5.2. Điều kiện tốt nghiệp

6. Thang điểm

7. Nội dung chương trình: 159 - 161 TC

- | | |
|---|--------------|
| 7.1. Kiến thức giáo dục đại cương: | 49 TC |
| - Kiến thức bắt buộc: | 43 TC |
| - Kiến thức tự chọn: | 6 TC |
| 7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: | 110 - 112 TC |
| - Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc: | 42 TC |
| - Kiến thức chuyên ngành: | 68 - 70 |
| - Thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp: | 7 TC |
| - Đồ án tốt nghiệp: | 7 TC |

8. Nội dung kiến thức đào tạo

- | | |
|--|------------|
| 8.1. Kiến thức giáo dục đại cương | 47 - 50 TC |
| 8.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc | 43 - 45 TC |



- 8.1.2. Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn (A): 6 TC
- 8.2. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc: 28 - 30 TC
- 8.3. Kiến thức giáo dục chuyên ngành 68 - 70 TC
- 8.3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc: 38 TC
- 8.3.2. Kiến thức chuyên ngành chọn 30 - 32 TC
- 8.4. Thực tập sản xuất và tốt nghiệp: 7 TC
- 8.5. Đồ án tốt nghiệp: 7 TC

BỘ MÔN

KHOA

HIỆU TRƯỞNG



Số: 128 /TB-MĐC

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2020

THÔNG BÁO

Về việc rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo theo định hướng CDIO

Tiếp theo các công văn số 126/TB-MĐC, 358/TB-MĐC, 605/TB-MĐC về việc rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo.

Căn cứ kết luận của HĐKH&ĐT Nhà Trường ngày 06/3/2020

Nhà trường đề nghị các đơn vị:

1. Rà soát và bổ sung đầy đủ thông tin của tất cả các học phần thuộc **khoa quản lý (Mẫu 1)**
2. Cập nhật thông tin đề cương chi tiết từng học phần đối với các học phần đầu 7 thuộc khoa quản lý (**Mẫu 2**)
3. Cập nhật lại bảng so sánh chương trình đào tạo 4 năm với 5 năm theo từng chuyên ngành của khoa chuyên ngành. (**Mẫu 3**)
4. Chuẩn hóa chuẩn đầu ra cho từng ngành đào tạo đối với Chương trình đào tạo 4 năm (**Mẫu 4**)
5. Rà soát chương trình đào tạo 4 năm và đưa ra định hướng chọn học phần tự chọn của các nhóm tự chọn đối với từng ngành thuộc Khoa quản lý (**CTDT_4 năm ra soát, định hướng Tự chọn A, B, C**)
6. Hoàn thiện bộ chương trình đào tạo hoàn chỉnh. (**Mẫu 5**)
7. Bổ sung sơ đồ trình tự các học phần theo đặc thù của ngành/ chuyên ngành, học phần học trước, sau... (**Mẫu 6**)
8. Nộp phòng Đào tạo Đại học trước **17h ngày 10/04/2020** (Bản giấy gửi A. Dũng – Phòng C2.02, File mềm gửi về email: nguyenquocdung@humg.edu.vn)

Chú ý:

- Đề cương chi tiết: DC_Mã học phần. docx (Ví dụ: **DC_7010102.docx**)
- Chuẩn đầu ra: CDR_Mã số ngành.docx (Ví dụ: **CDR_7520216.docx**)
- Phòng Đào tạo Đại học chỉ nhận dữ liệu từ Khoa; Khoa có trách nhiệm tổng hợp từ các bộ môn liên quan. Bản cứng nộp có đầy đủ chữ ký.
- Hội đồng Khoa học Khoa chịu trách nhiệm trước Nhà trường về tính chính xác của chương trình.
- Trong **Mẫu 5** phần Mô tả tóm tắt nội dung học phần cần phải đầy đủ tất cả các học phần theo chương trình đào tạo của từng ngành

Đề nghị các Khoa nghiêm túc thực hiện đúng thời hạn ./.

Nơi nhận: 10/3

- BGH (để b/c);
- Thông báo bằng tin, Website ĐTDH;
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, ĐTDH⁽⁸⁾.



HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GS.TS *Bùi Xuân Nam*

I. Hướng dẫn cập nhật thông tin chi tiết từng học phần

- File mẫu thao tác: **Mẫu 1**
- Mở file và cập nhật các thông tin vào từng dòng dữ liệu theo từng cột thông tin trong file mẫu có sẵn (Tên học phần tiếng anh, Học phần tiên quyết, học phần trước, học phần song hành, Phân bổ tiết)
- Riêng phần các học phần tiên quyết, song hành, học trước: Mã học phần và tên học phần có thông tin trong file DMMH-ToanTruong.xlsx, Nếu điều kiện là nhiều môn thì nhập lần lượt và ngăn cách giữa các môn bằng ký tự (;)

II. Hướng dẫn cập nhật đề cương chi tiết từng học phần

- File mẫu thao tác: **Mẫu 2**
- Mở file và cập nhật các thông tin vào từng mục theo mẫu
- Riêng phần số tín chỉ học phần lưu ý: đối với học phần 2 tín chỉ học trong 8 tuần, 3 tín chỉ trở lên học trong 16 tuần

III. Hướng dẫn so sánh chương trình đào tạo 4 năm với 5 năm

- File mẫu thao tác: **Mẫu 3**
- Mở file và cập nhật các thông tin vào từng mục theo mẫu
- Khi so sánh 2 chương trình 4 năm và 5 năm của 1 chuyên ngành với nhau sẽ có
 - a. Phần giống nhau, tương đương, thay thế

TT	Chương trình đào tạo 4 năm			Chương trình đào tạo 5 năm		
	Mã môn	Tên môn	Số tín chỉ	Mã môn	Tên môn	Số tín chỉ
2	7010102	Đại số tuyến tính	4	4010101	Đại số	3
3	7010103	Giải tích 1	4	4010102	Giải tích 1	4
4	7010104	Giải tích 2	4	4010103	Giải tích 2	3

- b. Phần có ở CTĐT 4 năm mà không có ở CTĐT 5 năm

TT	Chương trình đào tạo 4 năm			Chương trình đào tạo 5 năm		
	Mã m	Tên môn	Số tín c	Mã m	Tên môn	Số tín chỉ
7	7090221	Ngoại ngữ chuyên ngành	3			
8	7090222	Nhập môn điều khiển thông minh	3			
9	7070209	Quản lý dự án công nghiệp	3			
10	7090224	SCADA	3			
11	7090225	Tra cứu cứu hộ	3			

- c. Phần có ở CTĐT 5 năm mà không có ở CTĐT 4 năm

TT	Chương trình đào tạo 4 năm			Chương trình đào tạo 5 năm		
	Mã m	Tên môn	Số tín c	Mã m	Tên môn	Số tín chỉ
				4090107	An toàn điện	2
				4090125	Nhà máy điện	2
				4090126	Cơ sở cung cấp điện	2
				4090224	Phương pháp lập trình CNC	2

IV. Hướng dẫn cập nhật thông tin chuẩn đầu ra từng ngành

- File mẫu thao tác: **Mẫu 4**
- Mở file và cập nhật các thông tin vào từng mục theo mẫu



- Lưu ý: Mã số ngành có trong quyết định ban hành chương trình đào tạo số 830 ngày 29/6/2018

V. Rà soát chương trình đào tạo 4 năm

- File thao tác: **CTDT_4 năm ra soát**
- Mở file và tìm đến bảng tính theo mã số ngành đào tạo, Kiểm tra và ghi chú các thông tin không hợp lý cần điều chỉnh tương ứng vào cột Ghi chú.

